

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch giăng co trong vùng 1,490 – 1,525 cả ngày trước khi đóng cửa tại mốc 1,502.52 điểm, giảm hơn 5 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính, Truyền thông. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này quay trở lại bán ròng gần 2 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Điểm tích cực hôm nay là thị trường vẫn giữ được giá đóng cửa trên 1,500 và dòng tiền bắt đáy quanh ngưỡng này vẫn khá tốt. Xu hướng giăng co này có thể tiếp tục trong ngắn hạn để tạo một nền giá chắc hơn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 31/07/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giăng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-5.11** điểm, đóng cửa tại **1502.52** điểm. HNX-Index **+4.83** điểm, đóng cửa tại **266.34** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **SHB (+1.12)**, **VPB (+1.05)**, **BCM (+0.68)**, **VIX (+0.65)**, **GEX (+0.62)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-3.51)**, **VHM (-1.42)**, **VCB (-1.36)**, **VPL (-1.06)**, **TCB (-0.82)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **41,871** tỷ đồng, tăng **1.40%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 43,434 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 40.36 điểm. Thị trường có **169** mã tăng, 49 mã tham chiếu, **150** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1930.10** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (-377.86 tỷ)**, **VPB (-242.48 tỷ)**, **FPT (-230.19 tỷ)**, **HPG (-217.16 tỷ)**, **KBC (-212.04 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-258.58** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.27%**. Các mã diễn biến tích cực:
KBC (+6.75%)
BSR (+3.82%)
VCI (+2.74%)
- BSC50 **+0.57%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDC (+6.88%)
PC1 (+6.80%)
GEX (+4.92%)

[\(Link báo cáo\)](#)
[\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.27%	0.57%	-0.34%	-0.95%
1 tuần	-0.99%	1.21%	-1.22%	-2.77%
1 tháng	6.87%	12.51%	9.05%	9.42%
3 tháng	23.87%	28.07%	22.52%	23.33%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,502.52	266.34	105.79
% 1D	-0.34%	1.85%	0.65%
GTKL (tỷ VND)	41,871	4,147	1,298
%1D	1.40%	10.98%	10.87%
GDNN (tỷ VND)	-1930.10	-258.58	-47.00

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	140.20	CTG	-377.86
HAH	88.39	VPB	-242.48
NVL	66.76	FPT	-230.19
HHS	55.80	HPG	-217.16
DXG	49.53	KBC	-212.04

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

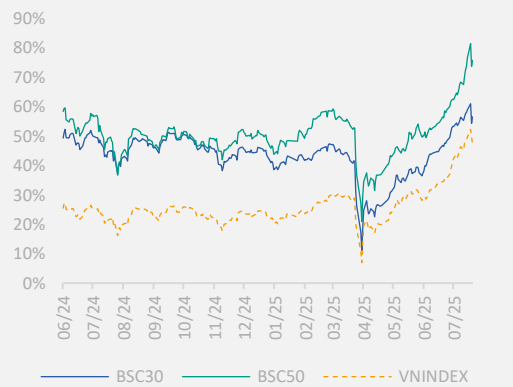
		%D	%W
SPX	6,363	-0.12%	0.06%
FTSE100	9,156	0.20%	0.19%
Eurostoxx	5,382	-0.29%	0.52%
Shanghai	3,573	-1.18%	-0.90%
Nikkei	41,070	1.02%	-1.83%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	72.15	-0.45%
Giá vàng	3,309	-0.69%
Tỷ giá		
USD/VND	26,390	0.00%
EUR/VND	30,714	-1.13%
JPY/VND	180	-0.55%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.5%	0.01%
LS LNH 1M	5.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHB	17.20	6.83%	1.12	4.07
VPB	25.80	2.18%	1.05	7.93
BCM	71.70	3.91%	0.68	1.04
VIX	27.30	6.64%	0.65	1.53
GEX	59.70	4.92%	0.62	0.90

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	18.10	9.70%	1.03	0.89
SHS	23.00	5.99%	0.81	0.89
NVB	15.30	4.08%	0.48	1.17
DTK	13.50	6.30%	0.38	0.68
IDC	45.50	2.71%	0.27	0.33

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTL	3.37	6.98%	0.01	0.28
VSC	26.10	6.97%	0.16	34.61
PET	37.65	6.96%	0.06	0.71
AGG	20.80	6.94%	0.05	4.49
VSI	20.05	6.93%	0.00	0.08

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
APS	13.30	9.92%	0.41	4.96
UNI	8.90	9.88%	0.14	0.02
VC2	8.90	9.88%	0.22	3.00
SJE	24.50	9.87%	0.38	0.86
VNT	32.30	9.86%	0.20	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	105.50	-3.65%	-3.51	3.88
VHM	90.00	-1.64%	-1.42	4.11
VCB	60.20	-1.15%	-1.36	8.36
VPL	82.70	-3.05%	-1.06	1.79
TCB	34.00	-1.45%	-0.82	7.06

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	34.30	-2.28%	-0.25	0.48
KSV	164.10	-1.03%	-0.22	0.20
DNP	20.60	-9.65%	-0.18	0.14
PVI	62.20	-0.80%	-0.08	0.23
VIF	16.50	-1.79%	-0.07	0.35

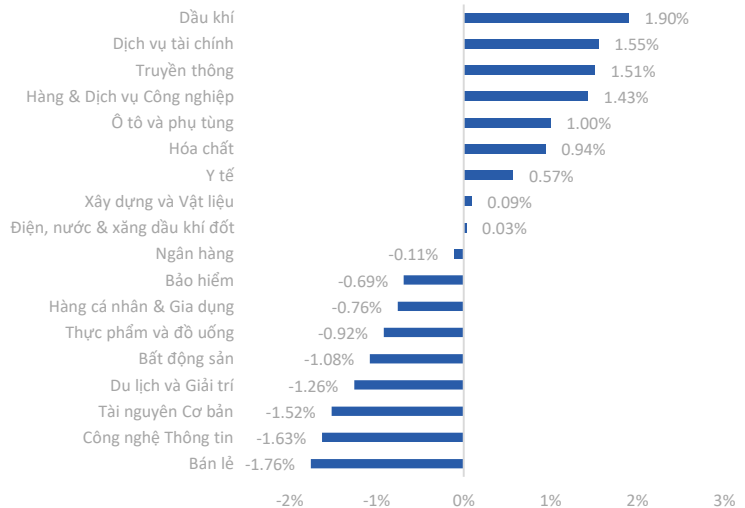
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ADS	9.21	-5.64%	-0.01	0.99
HRC	31.00	-5.20%	-0.01	0.00
PTC	7.60	-4.16%	0.00	0.03
JVC	6.00	-3.85%	-0.01	2.71
VIC	105.50	-3.65%	-3.41	5.68

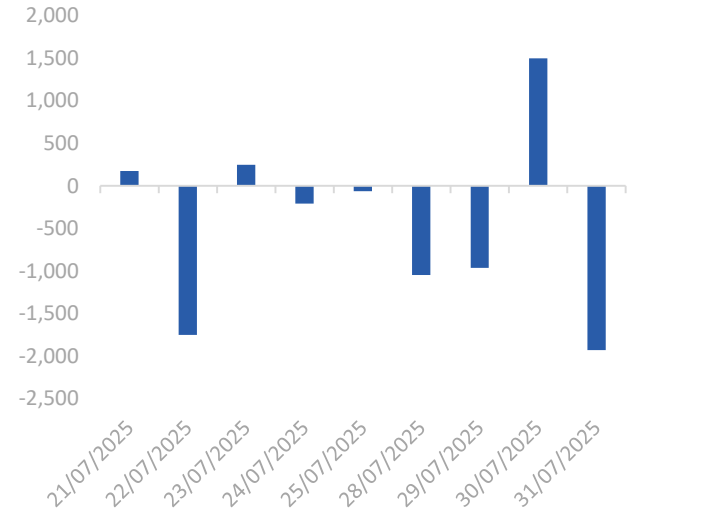
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DNP	20.60	-9.65%	-1.04	0.01
TKU	13.40	-9.46%	-0.22	0.00
VE1	4.80	-9.43%	-0.01	0.00
SFN	16.60	-8.79%	-0.02	0.00
BPC	10.60	-8.62%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	65.3	-2.7%	1.3	96,543	1074.5	3,304	19.8		48.9%	
KBC	Bất động sản	31.7	6.8%	1.7	29,807	846.7	1,831	17.3		15.4%	
KDH	Bất động sản	27.4	-0.7%	1.1	30,749	152.1	717	38.2		33.8%	
PDR	Bất động sản	20.7	-0.2%	1.6	18,780	534.4	191	108.3	23,600	9.7%	Link
VHM	Bất động sản	90.0	-1.6%	1.2	369,667	778.5	6,995	12.9	81,300	10.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	104.0	-2.0%	1.2	177,165	943.3	5,092	20.4	136,500	40.6%	Link
BSR	Dầu khí	20.4	3.8%	0.0	63,250	306.2	(16)	####		0.3%	
PVS	Dầu khí	34.3	-2.3%	1.2	16,394	388.9	2,649	13.0	38,600	12.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.9	1.2%	1.7	27,971	387.9	1,164	22.3		38.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	34.2	0.9%	1.6	67,438	1680.6	1,577	21.7		41.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	43.1	2.7%	1.4	31,108	643.9	1,370	31.4		29.3%	
DCM	Hóa chất	35.9	-1.4%	1.6	18,979	202.6	3,221	11.1	37,800	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	102.9	-1.0%	1.4	39,079	259.4	8,205	12.5	109,300	14.9%	Link
ACB	Ngân hàng	23.0	0.0%	0.8	118,143	278.0	3,305	7.0	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	37.9	-0.7%	0.9	265,759	238.3	3,683	10.3	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	45.9	-0.7%	0.9	246,483	938.9	5,608	8.2	50,000	27.2%	Link
HDB	Ngân hàng	26.5	-0.8%	0.9	92,444	888.3	4,094	6.5	26,400	17.4%	Link
MBB	Ngân hàng	27.5	0.2%	0.9	167,507	783.3	4,021	6.8	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	13.8	-1.4%	1.1	35,880	315.4	1,961	7.0	14,000	28.3%	Link
STB	Ngân hàng	50.0	1.3%	0.9	94,167	906.0	6,148	8.1		20.0%	
TCB	Ngân hàng	34.0	-1.5%	1.1	240,205	1053.6	3,019	11.3	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	15.7	-1.3%	1.0	41,479	306.9	2,423	6.5	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	60.2	-1.2%	0.5	503,012	376.1	4,148	14.5	69,200	22.0%	Link
VIB	Ngân hàng	19.4	0.3%	0.8	66,038	458.2	2,219	8.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	25.8	2.2%	1.0	204,695	1698.1	2,193	11.8	26,500	25.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.0	-1.8%	1.1	191,503	2172.3	1,750	14.3	35,800	22.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.7	-1.3%	1.4	11,581	211.9	751	24.8	16,800	9.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	33.6	-1.6%	1.7	11,245	333.5	4,752	7.1	32,200	6.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	72.5	-0.7%	1.4	104,280	660.9	1,862	38.9	82,500	25.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.2	-2.7%	0.5	127,905	703.6	4,101	14.9	64,500	49.1%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	42.6	-1.05%	1.8	9,326	65.5	2,216	19.2	26.5%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	154.7	0.00%	1.0	26,346	185.9	3,163	48.9	33.5%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	49.3	-0.61%	1.1	36,559	56.3	2,975	16.6	27.3%		
DIG	Bất động sản	21.8	-1.36%	1.4	14,060	853.8	183	118.6	5.0%	1.5%	
DXG	Bất động sản	19.8	2.59%	1.4	20,174	746.1	353	56.1	25.7%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	35.0	6.88%	1.3	6,234	409.9	482	72.6	5.1%	3.8%	
HDG	Bất động sản	26.2	-2.61%	1.5	9,675	279.2	522	50.1	17.5%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	45.5	2.71%	1.2	15,015	305.5	4,574	10.0	18.8%	27.3%	
NLG	Bất động sản	41.5	0.00%	1.5	15,981	99.3	1,709	24.3	48.4%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	67.3	3.22%	1.5	16,294	118.1	5,315	12.7	4.0%	28.6%	
SZC	Bất động sản	37.6	4.01%	1.6	6,767	148.8	1,978	19.0	2.7%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	24.0	0.63%	1.8	16,004	305.1	1,125	21.3	12.2%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	105.5	-3.65%	1.3	403,396	606.7	3,580	29.5	6.8%	9.9%	
VRE	Bất động sản	28.1	0.00%	1.3	63,852	156.3	1,937	14.5	18.4%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	40.6	2.92%	1.2	8,579	63.3	1,701	23.9	36.7%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	36.3	-0.14%	1.0	46,059	76.7	1,596	22.7	16.9%	7.9%	Link
PVD	Dầu khí	21.2	0.00%	1.4	11,757	194.1	1,428	14.8	4.1%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	41.0	0.37%	1.8	14,206	227.9	1,348	30.4	27.4%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	36.4	-0.27%	1.9	20,849	298.5	1,554	23.4	6.3%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.7	-0.29%	0.8	158,599	57.3	5,152	13.1	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.4	-0.69%	1.0	33,723	227.3	624	23.1	3.4%	4.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.8	-0.74%	0.9	36,183	69.4	4,418	15.1	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	121.2	2.11%	0.7	71,703	351.4	3,427	35.4	7.9%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.7	4.92%	1.7	53,873	829.5	1,745	34.2	8.2%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.2	-2.26%	1.1	23,615	104.9	3,765	14.9	39.3%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	75.0	2.04%	1.2	9,742	457.8	7,186	10.4	4.8%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.1	0.00%	1.3	8,482	52.5	2,304	7.8	9.0%	13.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	111.0	-2.63%	0.0	13,518	103.7	3,235	34.3	5.4%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	84.4	-1.29%	1.0	28,519	79.7	6,129	13.8	49.0%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	32.8	-0.15%	1.0	3,669	62.4	2,693	12.2	50.0%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.3	4.41%	1.2	2,611	52.0	2,844	7.5	16.7%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	41.0	-1.20%	1.4	16,045	280.9	1,663	24.7	8.3%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	30.1	2.03%	2.2	120,400	177.3	1,320	22.8	0.7%	9.8%	
EIB	Ngân hàng	27.0	1.50%	1.0	50,293	635.8	1,783	15.1	5.2%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	34.2	0.00%	0.7	102,165	156.3	3,324	10.3	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.1	0.33%	0.0	25,907	21.5	2,260	6.7	2.0%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	13.2	-1.13%	0.9	32,425	92.7	1,220	10.8	19.9%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.2	-2.12%	1.3	7,228	428.0	1,122	14.4	6.9%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	23.5	4.69%	1.6	6,244	87.3	1,871	12.5	2.4%	16.8%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.5	-1.29%	0.7	10,489	191.4	1,921	18.0	3.9%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.7	0.11%	1.2	61,114	94.9	3,185	15.0	59.0%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.6	1.07%	1.4	12,704	66.7	5,567	10.2	19.8%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	140.7	-1.33%	1.1	11,518	19.8	13,894	10.1	85.8%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.0	2.27%	1.3	8,216	98.0	3,234	25.1	47.8%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	90.3	-3.01%	1.5	10,329	131.8	4,928	18.3	8.8%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.6	-1.69%	1.4	4,390	114.9	2,501	17.4	4.4%	12.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.8	2.81%	1.4	6,367	141.5	1,077	11.9	10.5%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.9	6.80%	1.4	9,263	336.7	1,179	22.0	14.7%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	25.9	1.97%	1.4	16,744	424.6	1,241	20.9	9.8%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	59.4	-2.30%	1.5	26,632	145.2	3,343	17.8	5.5%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>